

UBND TỈNH BẮC GIANG  
**SỞ TÀI CHÍNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /STC-QLCS&TH  
V/v xin ý kiến Dự thảo Nghị quyết  
thay thế Nghị quyết 66/2021/NQ-  
HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND  
tỉnh

Bắc Giang, ngày 30 tháng 12 năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Công văn số 985/HĐND-CTHĐND ngày 27/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh;

Thực hiện kế hoạch xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết 66/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (gọi tắt là Nghị quyết 66/2021/NQ-HĐND),

Hiện nay, Sở Tài chính đang xây dựng dự thảo nghị quyết thay thế Nghị quyết 66/2021/NQ-HĐND. Để đảm bảo công tác tổ chức lấy ý kiến đối với Dự thảo nghị quyết theo quy định, Sở Tài chính đề nghị các đơn vị (như kính gửi) nghiên cứu, cho ý kiến bằng văn bản vào Dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết 66/2021/NQ-HĐND gửi về Sở Tài chính **trước ngày 30/01/2023** để tổng hợp, chỉnh sửa, trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

*(Đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết 66/2021/NQ-HĐND gửi kèm)*

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công thông tin điện tử của tỉnh Bắc Giang (đăng tải xin ý kiến);
- Công thông tin điện tử của Sở Tài chính (đăng tải xin ý kiến);
- GD, các PGĐ sở;
- Lưu: VT, QLCS&TH.<sub>Xuyên</sub>

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thùy Linh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NQ-HĐND Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG  
KHOÁ XIX - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khoá XIX, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Vụ pháp luật: Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các Tổ chức chính trị xã hội - Nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin Đại biểu dân cử Bắc Giang;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Thị Thu Hồng**

## QUY ĐỊNH

### Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

## CHƯƠNG I

### PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua, thuê, cho thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Những nội dung khác không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, văn phòng huyện ủy, thành ủy (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là các Sở, ban, tổ chức, đơn vị hoặc tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện là tất cả các cơ quan (bao gồm cả xã, phường, thị trấn, phòng, văn phòng huyện ủy, thành ủy...), tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương là tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

5. Tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương là tất cả các tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

## **CHƯƠNG II**

### **PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**

#### **Điều 4. Mua sắm tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Tài sản có giá dự toán mua sắm từ 2 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế.

c) Tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị không thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có giá dự toán mua sắm từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản;

d) Các tài sản có tổng giá dự toán mua sắm từ 10 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Y tế quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ Giám đốc Sở Y tế) quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có giá dự toán mua sắm từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 500 triệu đồng đến dưới 10 tỷ đồng cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có giá dự toán mua sắm từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và các xã/phường/thị trấn.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có giá dự toán mua sắm dưới 2 tỷ đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản dưới 5 tỷ đồng cho một lần mua sắm.

6. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế) quyết định mua sắm tài sản không thuộc

phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này có giá dự toán mua sắm dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản dưới 500 triệu đồng cho một lần mua sắm.

7. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn kinh phí để mua sắm tài sản trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

### **Điều 5. Thuê tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá dự toán tiền thuê từ 500 triệu đồng trở lên/01 năm.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán tiền thuê dưới 500 triệu đồng/01 năm.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và các xã/phường/thị trấn có giá dự toán tiền thuê dưới 500 triệu đồng/01 năm.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức và dự toán được giao quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

### **Điều 6. Cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý.

### **Điều 7. Phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại các tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng không xác định đối tượng thụ hưởng trong dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

### **Điều 8. Thu hồi tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản gồm:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01

đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần thu hồi.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 2 tỷ đồng cho một lần thu hồi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 2 tỷ đồng cho một lần thu hồi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và các xã/phường/thị trấn.

### **Điều 9. Điều chuyển tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản gồm:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- c) Xe ô tô;

d) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần điều chuyển.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 2 tỷ đồng cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 2 tỷ đồng cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.

4. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công thuộc địa phương quản lý trong các trường hợp còn lại.

### **Điều 10. Bán tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi sau khi có văn bản thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần bán.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần bán của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần bán của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần bán.

5. Trường hợp tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định của pháp luật thì Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản quyết định bán.

### **Điều 11. Thanh lý tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 10 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, xe ô tô;

c) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 10 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên đến dưới 10 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

b) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải



phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên;

c) Các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên đến dưới 10 tỷ đồng cho một lần thanh lý.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản cố định không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

c) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần thanh lý.

d) Các tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần thanh lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản cố định khác gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần thanh lý;

b) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản cố định khác gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng trở lên cho một lần thanh lý;

c) Tài sản cố định khác không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần thanh lý.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản cố định khác gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán dưới

500 triệu đồng cho một lần thanh lý;

c) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản cố định khác gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng cho một lần thanh lý;

b) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá dưới 500 triệu đồng cho một lần thanh lý.

6. Trường hợp tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định của pháp luật thì Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản quyết định thanh lý.

### **Điều 12. Tiêu hủy tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy:

a) Tài sản cố định có nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có tổng giá trị từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần tiêu hủy của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần tiêu hủy.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã:

a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;

b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần tiêu hủy.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định tiêu hủy:

a) Tài sản có giá trị dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần tiêu hủy.

5. Trường hợp tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định của pháp luật thì Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản quyết định tiêu hủy.

### **Điều 13. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp

bị mất, bị hủy hoại gồm:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- c) Xe ô tô;

d) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

- a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;
- b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần bị mất, bị hủy hoại.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã:

- a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;
- b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần bị mất, bị hủy hoại.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều gồm:

- a) Tài sản có giá trị dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;
- b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần tiêu hủy.

5. Trường hợp tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định của pháp luật thì Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản quyết định xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

### **CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với những tài sản công đã có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của Nghị quyết 66/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi

hành thì được tiếp tục thực hiện xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện thống nhất theo Nghị quyết này.

**Điều 15. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm 2023.
2. Bãi bỏ Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang./.

## SO SÁNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐỀ NGHỊ THAY THẾ VỚI NGHỊ QUYẾT 66/2021/NQ-HĐND

NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT 66/2021/NQ-HĐND	NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT ĐỀ NGHỊ THAY THẾ	LÝ DO
<p style="text-align: center;"><b>CHƯƠNG I</b> <b>QUY ĐỊNH CHUNG</b></p> <p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua, thuê, cho thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p> <p>2. Những nội dung khác không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p style="text-align: center;"><b>CHƯƠNG I</b> <b>QUY ĐỊNH CHUNG</b></p> <p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua, thuê, cho thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p> <p>2. Những nội dung khác không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
<p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b></p> <p>Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, văn phòng huyện ủy, thành ủy (là đơn vị dự toán ngân sách nhà nước cấp huyện), tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p>	<p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b></p> <p>Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, văn phòng huyện ủy, thành ủy (là đơn vị dự toán ngân sách nhà nước cấp huyện), tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p>	
<p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là các sở, ban, tổ chức, đơn vị hoặc tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	<p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là các sở, ban, tổ chức, đơn vị hoặc tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	<p>(1) Bao gồm tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các sở, ban, tổ chức, đơn vị... trực thuộc</p>

<p>2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện là các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Văn phòng huyện ủy, thành ủy (là đơn vị dự toán ngân sách nhà nước cấp huyện).</p> <p>3. Tài sản công thuộc địa phương quản lý là tất cả các tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p>	<p>2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện là các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Văn phòng huyện ủy, thành ủy (là đơn vị dự toán ngân sách nhà nước cấp huyện).</p> <p>3. Tài sản công thuộc địa phương quản lý là tất cả các tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.</p>	<p>UBND tỉnh</p> <p>(2) Bao gồm: các cơ quan phòng, ban, hội, trường, văn phòng huyện ủy, thành ủy....</p>
<p style="text-align: center;"><b>CHƯƠNG II</b> <b>QUY ĐỊNH CỤ THỂ</b></p> <p><b>Điều 4. Mua sắm tài sản công</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>b) Tài sản có giá dự toán mua sắm từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản;</p> <p>c) Các tài sản có tổng giá dự toán mua sắm từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;</p> <p>d) Các tài sản có tổng giá dự toán mua sắm từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại</p>	<p style="text-align: center;"><b>CHƯƠNG II</b> <b>QUY ĐỊNH CỤ THỂ</b></p> <p><b>Điều 4. Mua sắm tài sản công</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>b) Tài sản có giá dự toán mua sắm từ 2 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế.</p> <p>c) Tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị không thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có giá dự toán mua sắm từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản;</p> <p>d) Các tài sản có tổng giá dự toán mua sắm từ 10 tỷ đồng trở lên cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.</p> <p>2. Giám đốc Sở Y tế quyết định mua sắm các tài sản</p>	<p>- Phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của địa phương.</p> <p>- Căn cứ khoản 1 Điều 54 Nghị định 63/2014/NĐ-CP</p> <p>Hạn mức chỉ định thầu quy định: “Gói thầu có giá trị trong hạn mức được áp dụng chỉ định thầu theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu bao gồm:</p> <p>1. <u>Không quá 500 triệu đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ công; không quá 01 tỷ đồng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp,</u></p>

khoản 1 Điều này có giá dự toán mua sắm từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có giá dự toán mua sắm từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 100 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mua sắm tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này có giá dự toán mua sắm dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản dưới 100 triệu đồng cho một lần mua sắm.

5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn kinh phí để mua sắm tài sản trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

*không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.*

*3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ Giám đốc Sở Y tế) quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có giá dự toán mua sắm từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 500 triệu đồng đến dưới 10 tỷ đồng cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.*

*4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có giá dự toán mua sắm từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và các xã/phường/thị trấn.*

*5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế quyết định mua sắm các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có giá dự toán mua sắm dưới 2 tỷ đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản dưới 5 tỷ đồng cho một lần mua sắm.*

*6. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế) quyết định mua sắm tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này có giá dự toán*

*hỗn hợp, mua thuốc, vật tư y tế, sản phẩm công;”*

- Căn cứ Điều 63 Nghị định 63/2014/NĐ-CP hạn mức của gói thầu quy mô nhỏ quy định: “Gói thầu quy mô nhỏ là gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa có giá trị gói thầu không quá 10 tỷ đồng; gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá trị gói thầu không quá 20 tỷ đồng.”

- Tài sản lớn có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản được quy định tại Điều 2 Quyết định số 8/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh

	<p><i>mua sắm dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc có tổng giá dự toán mua sắm các tài sản dưới 500 triệu đồng cho một lần mua sắm.</i></p> <p><i>7. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn kinh phí để mua sắm tài sản trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản theo quy định tại khoản 1, 2, 3,4, 5 và 6 Điều này.</i></p>	
<p><b>Điều 5. Thuê tài sản công</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá trị tiền thuê từ 300 triệu đồng trở lên cho một lần thuê.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tiền thuê dưới 300 triệu đồng cho một lần thuê.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã có giá trị tiền thuê dưới 300 triệu đồng cho một lần thuê.</p> <p>4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức và dự toán được giao quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều</p>	<p><b>Điều 5. Thuê tài sản công</b></p> <p><i>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá dự toán tiền thuê từ 500 triệu đồng trở lên/01 năm.</i></p> <p><i>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán tiền thuê dưới 500 triệu đồng/01 năm.</i></p> <p><i>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và các xã/phường/thị trấn có giá dự toán tiền thuê dưới 500 triệu đồng/01 năm.</i></p> <p><i>4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức và dự toán được giao quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.</i></p> <p><i>5. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều</i></p>	



<p>nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.</p>	<p><i>nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.</i></p>	
<p><b>Điều 6. Cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi</b></p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý.</p>	<p><b>Điều 6. Cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi</b></p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý.</p>	
<p><b>Điều 7. Phương án xử lý tài sản công phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước và tài sản công là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng không xác định đối tượng thụ hưởng trong dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương</b></p> <p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án:</p> <p>1. Điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại các tài sản công phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý.</p> <p>2. Điều chuyển, bán, thanh lý tài sản công là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng không xác định đối tượng thụ hưởng trong dự án thuộc địa phương quản lý.</p>	<p><b>Điều 7. Phương án xử lý tài sản công phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước và tài sản công là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng không xác định đối tượng thụ hưởng trong dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương</b></p> <p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án:</p> <p>1. Điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại các tài sản công phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý.</p> <p>2. Điều chuyển, bán, thanh lý tài sản công là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng không xác định đối tượng thụ hưởng trong dự án thuộc địa phương quản lý.</p>	
<p><b>Điều 8. Thu hồi tài sản công</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản gồm:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p>	<p><b>Điều 8. Thu hồi tài sản công</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản gồm:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p>	

<p>b) Xe ô tô;</p> <p>c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần thu hồi.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần thu hồi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần thu hồi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.</p>	<p>b) Xe ô tô;</p> <p>c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần thu hồi.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 2 tỷ đồng cho một lần thu hồi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 2 tỷ đồng cho một lần thu hồi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và các xã/phường/thị trấn.</p>	
<p><b>Điều 9. Điều chuyển tài sản công</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p> <p>c) Xe ô tô;</p> <p>d) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần điều chuyển.</p>	<p><b>Điều 9. Điều chuyển tài sản công</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p> <p>c) Xe ô tô;</p> <p>d) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần điều chuyển.</p>	

<p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện.</p> <p>4. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công thuộc địa phương quản lý trong các trường hợp còn lại.</p>	<p><i>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 2 tỷ đồng cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</i></p> <p><i>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 2 tỷ đồng cho một lần điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.</i></p> <p>4. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công thuộc địa phương quản lý trong các trường hợp còn lại.</p>	
<p><b>Điều 10. Bán tài sản công</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi sau khi có văn bản thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>b) Xe ô tô;</p> <p>c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần bán.</p> <p>2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài</p>	<p><b>Điều 10. Bán tài sản công</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi sau khi có văn bản thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>b) Xe ô tô;</p> <p>c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần bán.</p> <p><i>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới</i></p>	

<p>sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần bán của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.</p> <p>3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần bán của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần bán của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.</p> <p>5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần bán.</p>	<p><i>500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần bán của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</i></p> <p><i>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần bán của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã.</i></p> <p><i>4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bán tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần bán.</i></p> <p><u><i>5. Trường hợp tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định của pháp luật thì Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản quyết định bán.</i></u></p>	
<p><b>Điều 11. Thanh lý tài sản công</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý gồm:</p> <p>a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc</p>	<p><b>Điều 11. Thanh lý tài sản công</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý gồm:</p> <p>a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc</p>	

chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

b) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã;

c) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, xe ô tô;

d) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

b) Tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng

*chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 10 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;*

*b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, xe ô tô;*

*c) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 10 tỷ đồng trở lên cho một lần thanh lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.*

*2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh gồm:*

*a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên đến dưới 10 tỷ đồng cho một lần thanh lý;*

*b) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên;*

mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

c) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

d) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản cố định không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần thanh lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 2 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

b) Tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán

c) Các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên đến dưới 10 tỷ đồng cho một lần thanh lý.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản cố định không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

c) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần thanh lý.

d) Các tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần thanh lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản cố định khác gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp

từ 100 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần thanh lý;

c) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

d) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho một lần thanh lý.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này gồm:

a) Tài sản gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần thanh lý;

b) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá dưới 100 triệu đồng cho một lần thanh lý.

6. Trường hợp tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định của pháp luật thì Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản quyết định thanh lý.

*luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần thanh lý;*

*b) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản cố định khác gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng trở lên cho một lần thanh lý;*

*c) Tài sản cố định khác không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần thanh lý.*

*5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thanh lý tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này gồm:*

*a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản cố định khác gắn liền với đất đã hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật hoặc chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà việc sửa chữa không hiệu quả có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần thanh lý;*

*c) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản cố định khác gắn liền với đất nằm trong mặt bằng thi công phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng cho một lần*

	<p><i>thanh lý;</i></p> <p><i>b) Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản cố định khác có tổng nguyên giá dưới 500 triệu đồng cho một lần thanh lý.</i></p> <p>6. Trường hợp tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định của pháp luật thì Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản quyết định thanh lý.</p>	
<p><b>Điều 12. Tiêu hủy tài sản công</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;</p> <p>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có tổng giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên cho một lần tiêu hủy.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;</p> <p>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có tổng giá trị dưới 1 tỷ đồng cho một lần tiêu hủy.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;</p>	<p><b>Điều 12. Tiêu hủy tài sản công</b></p> <p><i>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy:</i></p> <p><i>a) Tài sản cố định có nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;</i></p> <p><i>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có tổng giá trị từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần tiêu hủy của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.</i></p> <p><i>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:</i></p> <p><i>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;</i></p> <p><i>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần tiêu hủy.</i></p> <p><i>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã:</i></p> <p><i>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;</i></p>	



<p>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán hoặc có tổng giá trị dưới 1 tỷ đồng cho một lần tiêu hủy.</p>	<p><i>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần tiêu hủy.</i></p> <p>4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định tiêu hủy:</p> <p>a) Tài sản có giá trị dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.</p> <p><i>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần tiêu hủy.</i></p> <p><u>5. Trường hợp tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định của pháp luật thì Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản quyết định tiêu hủy.</u></p>	
<p><b>Điều 13. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p> <p>c) Xe ô tô;</p> <p>d) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng trở lên cho một lần bị mất, bị hủy hoại.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có</p>	<p><b>Điều 13. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:</p> <p>a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;</p> <p>c) Xe ô tô;</p> <p><i>d) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản khác có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 2 tỷ đồng trở lên cho một lần bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.</i></p> <p><i>2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ</i></p>	

<p>tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần bị mất, bị hủy hoại.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản hoặc các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng cho một lần bị mất, bị hủy hoại.</p>	<p>chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;</p> <p>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng cho một lần bị mất, bị hủy hoại.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã:</p> <p>a) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;</p> <p>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần bị mất, bị hủy hoại.</p> <p>4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều gồm:</p> <p>a) Tài sản có giá trị dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;</p> <p>b) Các tài sản có tổng nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng cho một lần tiêu hủy.</p> <p>5. Trường hợp tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định của pháp luật thì Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản quyết định xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.</p>	
<p style="text-align: center;"><b>CHƯƠNG III</b> <b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b></p> <p><b>Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp</b> Đối với những tài sản công đã có quyết định xử lý của cơ</p>	<p style="text-align: center;"><b>CHƯƠNG III</b> <b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b></p> <p><b>Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp</b> Đối với những tài sản công đã có quyết định xử lý của cơ</p>	

<p>quan, người có thẩm quyền theo quy định của Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện thống nhất theo Nghị quyết này.</p>	<p>quan, người có thẩm quyền theo quy định của <i>Nghị quyết 66/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021</i> của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện thống nhất theo Nghị quyết này.</p>	
<p><b>Điều 15. Điều khoản thi hành</b>  Trong quá trình thực hiện nếu có nội dung chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, thì Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.</p>	<p><b>Điều 15. Điều khoản thi hành</b>  Trong quá trình thực hiện nếu có nội dung chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, thì Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.</p>	

\*Lưu ý: Phần in nghiêng là phần sửa đổi, thay thế. Phần gạch chân là phần mới bổ sung.